

Số: /2023/QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày 01 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Quy định định mức diện tích đất sản xuất để thực hiện Dự án 1, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021-2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư 02/2023/TT-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Dân tộc tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định định mức diện tích đất sản xuất đối với từng loại đất để thực hiện nội dung số 03 (Hồ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề) thuộc Dự án 1, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021 - 2025, như sau:

- Đất chuyên trồng lúa nước (02 vụ): 1.500m²/hộ;
- Đất trồng lúa nước còn lại (01 vụ): 3.000 m²/hộ;
- Đất trồng cây hàng năm khác: 3.000 m²/hộ;
- Đất trồng cây lâu năm: 5.000 m²/hộ;
- Đất rừng sản xuất: 20.000 m²/hộ.

Điều 2. Nếu hộ có từ 02 đến 05 loại đất nhưng không đủ định mức quy định tại Điều 1 thì quy đổi chung về loại đất chuyên trồng lúa nước (02 vụ) để làm căn cứ xác định hộ thiếu đất sản xuất. Cách tính như sau:

- 01m² đất trồng lúa nước còn lại (01 vụ) = 0,5m² đất chuyên trồng lúa nước (02 vụ);
- 01m² đất trồng cây hàng năm khác = 0,5m² đất chuyên trồng lúa nước (02 vụ);
- 01m² đất trồng cây lâu năm = 0,3m² đất chuyên trồng lúa nước (02 vụ);
- 01m² đất rừng sản xuất = 0,075m² đất chuyên trồng lúa nước (02 vụ).

Sau đó cộng tổng diện tích các loại đất đã quy đổi về loại đất chuyên trồng lúa nước (02 vụ).

Điều 3. Căn cứ quy định tại Điều 1 và Điều 2 Quyết định này, Ban Dân tộc tỉnh, các sở, ngành, đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn tổ chức thực hiện nội dung số 03 (Hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề) thuộc Dự án 1, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021 - 2025 đảm bảo hiệu quả, đúng quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 11 năm 2023. Quyết định số 2069/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn ban hành định mức bình quân diện tích đất sản xuất để thực hiện dự án 1 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021-2025 hết hiệu lực kể từ thời điểm Quyết định này có hiệu lực.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Trưởng Ban Dân tộc tỉnh; Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5 (T/hiện);
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban Dân tộc;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Trung tâm CB-TH;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, ViệtVXNV, HàNN, HòaNCPC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đăng Bình